

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn;
2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1961;

Cư trú: Số 02 đường Th, khóm K2, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1971;

Cư trú: Số 02 đường H, Khóm 1, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông P có mặt, bà C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, ông Trần Văn P trình bày:

Do là chỗ quen biết với nhau đã lâu và cơ sở nước sơn T - C của vợ chồng bà Lê Thị C cũng có uy tín, nên ông Trần Văn P mới tin tưởng cho bà Lê Thị C vay tiền tổng cộng là 1.500.000.000 đồng để kinh doanh nước sơn. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 2,5%/tháng. Cụ thể:

- Lần 1: Cho vay và nhận tiền vay vào ngày 08 tháng 5 năm 2019, thời hạn trả tiền vay là 08 tháng 5 năm 2020, số tiền cho vay là 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, người ký hợp đồng vay và nhận tiền vay là bà Lê Thị C.

- Lần 2: Cho vay và nhận tiền vay vào ngày 16 tháng 9 năm 2019, thời hạn trả tiền vay là 16 tháng 12 năm 2019, số tiền cho vay là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, người ký hợp đồng vay và nhận tiền vay là bà Lê Thị C. Trên hợp đồng ghi bên vay Lê Thị C, còn chữ “Ba” là do bà C viết sai tự gạch đi, chữ người ký nhận tiền (Bên B tức bên vay) là bà C ký ghi rõ họ tên.

- Lần 3: Cho vay và nhận tiền vay vào ngày 29 tháng 8 năm 2019, thời hạn trả tiền vay là 29 tháng 12 năm 2019, số tiền cho vay là 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, người ký hợp đồng vay và nhận tiền vay là bà Lê Thị C.

- Lần 4: Cho vay và nhận tiền vay vào ngày 20 tháng 12 năm 2019, thời hạn trả tiền vay là 20 tháng 6 năm 2020, số tiền cho vay là 600.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, người ký hợp đồng vay và nhận tiền vay là bà Lê Thị C. Trong hợp đồng ghi “3% sau 2/5” là do bà C tự ghi chữ thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 2,5%/tháng.

- Lần 5: Cho vay và nhận tiền vay vào ngày 19 tháng 02 năm 2021, thời hạn trả tiền vay là 19 tháng 3 năm 2021, số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, người ký hợp đồng vay và nhận tiền vay là bà Lê Thị C.

Trong thời gian thực hiện các hợp đồng vay thì bà C có trả cho ông P được một số lãi cụ thể là:

- Đối với khoản vay ngày 08 tháng 5 năm 2019, thì có trả được 05 tháng tiền lãi, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng là 25.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 16 tháng 9 năm 2019, thì có trả được 04 tháng tiền lãi, mỗi tháng 10 triệu đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 29 tháng 8 năm 2019, thì có trả được 06 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 20 tháng 12 năm 2019, thì có trả được 04 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 19 tháng 02 năm 2021 thì chưa có trả được lãi lần nào.

Ông P đã nhiều lần tìm gặp bà C để yêu cầu trả tiền, nhưng bà C luôn né

tránh, không chịu gặp nói chuyện, còn chồng bà C là ông Tài thì liên tục chửi bới không cho ông P đến nhà. Nay ông P yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả cho ông P số tiền 1.500.000.000 đồng và ông P không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị C: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông P yêu cầu Tòa án buộc bà C trả cho ông số tiền vốn gốc 1.500.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày cho vay theo từng khoản vay và có trừ tiền lãi bà C đã trả vượt quá quy định pháp luật vào tiền vốn gốc.

- Bà C vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ vào các Hợp đồng vay vốn mà ông P cung cấp đã thể hiện bà C có vay của ông P số tiền 1.500.000.000 đồng như ông P trình bày. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà C không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ phản bác lại yêu cầu của ông P. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông P về việc buộc bà C trả số tiền vốn gốc 1.500.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất của ông P, nhận thấy ông P thừa nhận lãi suất cho vay là 2,5%/tháng. Đây là mức lãi suất vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, cần phải điều chỉnh và có khấu trừ phần lãi bà C đã trả vượt quá quy định pháp luật vào tiền vốn gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn đã cho vay. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố X thì bà Lê Thị C hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 02 đường H, Khóm 1, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang như nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà C tại địa chỉ này là đúng quy định pháp luật. Bà Lê Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn ông Trần Văn P căn cứ vào các Hợp đồng vay vốn đề ngày 08 tháng 5 năm 2019, ngày 29 tháng 8 năm 2019, ngày 16 tháng 9 năm 2019, ngày 20 tháng 12 năm 2019 và ngày 19 tháng 02 năm 2021 để khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị C trả số tiền vay còn nợ là 1.500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với các Hợp đồng vay này đều có chữ ký, chữ viết của bà C thể hiện bà C có vay ông P số tiền 1.500.000.000 đồng như ông P trình bày. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bà C đều vắng mặt và không cung cấp ý kiến đối với các Hợp đồng vay vốn mà ông P cung cấp, không có ý kiến phản bác đối với số tiền cho vay, số tiền còn nợ lại, mức lãi suất, việc trả lãi. Như vậy, giao dịch vay tài sản giữa các bên đã được xác lập trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi vay tiền bà C chỉ trả số tiền lãi 155.000.000 đồng và không tiếp tục thanh toán khi ông P có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông P đối với số tiền vốn gốc 1.500.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với lãi suất cho vay, theo ý kiến ông P trình bày thì mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, bà C đã trả được số tiền lãi 155.000.000 đồng cho các khoản vay như nêu trên. Bà C không trình bày ý kiến tranh chấp về mức lãi suất, việc trả lãi. Ông P có yêu cầu bà C trả số tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay tiền theo từng khoản vay. Xét thấy: Việc ông P cho bà C vay tiền thuộc trường hợp vay có lãi và các bên có thỏa thuận rõ về lãi suất, không có tranh chấp về lãi suất nên khi bên vay không trả nợ, chậm thực hiện nghĩa vụ thì bên vay phải trả cả tiền vốn và tiền lãi cho bên cho vay. Vì vậy, yêu cầu về việc tính lãi của ông P là có cơ sở. Tuy nhiên, lãi suất các bên thỏa thuận đã vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468; do đó mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực nên cần phải được điều chỉnh, khấu trừ số tiền lãi bà C đã trả vượt quá mức lãi suất quy định vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Cụ thể:

[3.2.1] Đối với khoản vay ngày 08 tháng 5 năm 2019:

- Số tiền lãi bà C đã trả là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng} = 25.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 05 \text{ tháng} = 16.666.667 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C đã trả vượt quá mức lãi suất quy định tính đến ngày 08 tháng 10 năm 2019 (05 tháng) là: $25.000.000 \text{ đồng} - 16.666.667 \text{ đồng} = 8.333.333 \text{ đồng}$.

- Số tiền vốn bà C còn phải trả tiếp kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2019 là: $200.000.000 \text{ đồng} - 8.333.333 \text{ đồng} = 191.666.667 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C còn phải trả tiếp từ ngày 09 tháng 10 năm 2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10 tháng 5 năm 2022) theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là:

$$191.666.667 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 944 \text{ ngày} = 99.141.552 \text{ đồng}$$

[3.2.2] Đối với khoản vay ngày 29 tháng 8 năm 2019:

- Số tiền lãi bà C đã trả là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/tháng \times 06 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 06 \text{ tháng} = 20.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C đã trả vượt quá mức lãi suất quy định tính đến ngày 29 tháng 02 năm 2020 là: $30.000.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng} = 10.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền vốn bà C còn phải trả tiếp kể từ ngày 29 tháng 02 năm 2020 là: $200.000.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} = 190.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C còn phải trả tiếp từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10 tháng 5 năm 2022) theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là:

$$190.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 800 \text{ ngày} = 83.287.671 \text{ đồng}$$

[3.2.3] Đối với khoản vay ngày 16 tháng 9 năm 2019:

- Số tiền lãi bà C đã trả là: $400.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/tháng \times 04 \text{ tháng} = 40.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là: $400.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 04 \text{ tháng} = 26.666.667 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C đã trả vượt quá mức lãi suất quy định tính đến ngày 16 tháng 01 năm 2020 là: $40.000.000 \text{ đồng} - 26.666.667 \text{ đồng} = 13.333.333 \text{ đồng}$.

- Số tiền vốn bà C còn phải trả tiếp kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2020 là: $400.000.000 \text{ đồng} - 13.333.333 \text{ đồng} = 386.666.667 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C còn phải trả tiếp từ ngày 17 tháng 01 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10 tháng 5 năm 2022) theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là:

$$386.666.667 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 844 \text{ ngày} = 178.820.091 \text{ đồng}$$

[3.2.4] Đối với khoản vay ngày 20 tháng 12 năm 2019:

- Số tiền lãi bà C đã trả là: $600.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 60.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là: $600.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 04 \text{ tháng} = 40.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C đã trả vượt quá mức lãi suất quy định tính đến ngày 20 tháng 4 năm 2020 là: $60.000.000 \text{ đồng} - 40.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền vốn bà C còn phải trả tiếp kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 là: $600.000.000 \text{ đồng} - 20.000.000 \text{ đồng} = 580.000.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi bà C còn phải trả tiếp từ ngày 21 tháng 4 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10 tháng 5 năm 2022) theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là:

$580.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 749 \text{ ngày} = 238.038.356 \text{ đồng}$.

[3.2.5] Đối với khoản vay ngày 19 tháng 02 năm 2021, do bà C chưa trả tiền lãi cho ông P, nên:

- Số tiền vốn bà C còn phải trả cho ông P là: 100.000.000 đồng.

- Số tiền lãi bà C còn phải trả cho ông P từ ngày 19 tháng 02 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10 tháng 5 năm 2022) là:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 445 \text{ ngày} = 24.383.562 \text{ đồng}$.

[3.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P: Buộc bà Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn P số tiền vốn vay là: 1.448.333.334 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 10 tháng 5 năm 2022 là: 623.671.232 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông P không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Bà C phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, khoản 1 Điều 244, các Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P đối với bà Lê Thị C.

Buộc bà Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn P số tiền tổng cộng là: 2.072.004.566 (hai tỷ không trăm bảy mươi hai triệu không trăm linh bốn nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng), gồm: tiền vốn là 1.448.333.334 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng); và tiền lãi tính đến ngày 10 tháng 5 năm 2022 là 623.671.232 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.440.000 đồng (bảy mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ông Trần Văn P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang